**NHÓM 8**: PGD THÀNH PHỐ CÀ MAU (Đặng Hoàng Hải, Trần Thái Dương, Nguyễn Xuân Quế, Ngô Văn Chiến, Huỳnh Văn Bình, Phạm Phú Quốc, Trần Thị Ngọc Hạnh, Đinh Thị Lan)

**BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN TOÁN 7 HKII (NĂM HỌC 2022 – 2023)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Các đại lượng tỉ lệ** | *Giải toán về đại lượng tỉ lệ* | **Vận dụng**:– Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. – Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán – Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận. |  |  | 2(TL17a,b) |  |
| **2** | **Biểu thức đại số** | *Biểu thức đại số. Đa thức một biến* | **Nhận biết** :– Nhận biết được biểu thức số. – Nhận biết được biểu thức đại số.– Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến.– Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. | 4(TN1,2; TL18a, 19) |  |  |  |
| **Thông hiểu**:– Xác định được bậc của đa thức một biến. |  | 5 (TN3,4,5,6; TL18b) |  |  |
| **Vận dụng**:– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |  |  | 1(TL 18c) |  |
| **3** | **Tam giác** | *Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác* | **Nhận biết**:– Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó (đường trung trực). | 2 (TN7,8) |  |  |  |
| **Thông hiểu**: – Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).– Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác (c.c.c), của hai tam giác vuông..– Giải thích được tính chất của tam giác cân. |  | 5(TN9,10,11, 12; TL20) |  |  |
|  | ***Vận dụng:***– Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (vận dụng phối hợp trong việc chứng minh góc bằng nhau, tính độ dài đoạn thẳng). |  |  | 1(TL21) |  |
| **4** | **Một số yếu tố xác suất** | *Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản* | **Nhận biết** :– Các khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên. | 2(TN13,14) |  |  |  |
| **Thông hiểu**:– Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |  | 2(TN15,16) |  |  |
| **Tổng** |  | **8** | **12** | **4** |  |
| **Tỉ lệ %** |  | **30** | **40** | **30** |  |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70** | **30** |